

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 318/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Ngọc D, sinh năm 1982; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; HKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 23/10/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc D trình bày:**

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông H chung sống với nhau từ năm 2001. Hôn nhân giữa bà D và ông H là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại

UBND xã T, huyện D vào ngày 31/5/2007. Lý do xin ly hôn: Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi kết hôn nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà D làm công nhân cạo mủ cao su của Công ty TNHH MTV C nhưng ông H ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu về đánh đập bà D nhiều lần. Sự việc trên đã được bà D báo cho Công an ấp T, xã T đến giải quyết nhưng không thành. Bà D và ông H đã không còn sống chung từ tháng 01/2024 cho đến nay. Hiện ông H đi làm thợ hồ và ở trọ tại ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Bà D nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, bà D làm đơn xin được ly hôn với chồng là ông H.

2. *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà D và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh năm 2002 và Nguyễn Nhựt V, sinh năm 2003. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà D không cung cấp ý kiến gì khác hay tranh chấp gì khác.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà D cung cấp*: Đơn xin ly hôn ngày 23/10/2024 của bà D (bản gốc); Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai ngày 23/10/2024 của bà D (bản gốc); Trích lục khai sinh (bản sao); Biên bản về việc chấm dứt hòa giải ngày 15/11/2024 (bản gốc); Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/01/2025 (bản gốc).

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn H:**

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật bằng cách niêm yết công khai để báo cho ông H biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông H.

*** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương:**

Theo Biên bản xác minh ngày 02/01/2025 và 10/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thể hiện ông H hiện có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và hiện đang sinh sống tại Nhà trọ Trương Thị M thuộc ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; Ông H xác định không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là ông H ghen tuông, thường đánh bà D và địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương phát biểu tại phiên tòa:**

- *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt

các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn bà D và bị đơn ông H theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà D khởi kiện ông H về việc tranh chấp ly hôn. Ông H hiện có nơi cư trú tại Nhà T thuộc ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà D và bị đơn ông H theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà D:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà D và ông H chung sống với nhau từ năm 2001. Hôn nhân giữa bà D và ông H là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D vào ngày 31/5/2007. Hôn nhân giữa bà D và ông H là sự tự nguyện giữa hai bên và thực hiện đúng thủ tục nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp.

Lý do xin ly hôn: Từ đầu năm 2024 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và đánh nhau. Nguyên nhân theo bà D xác định là ông H ghen tuông vô cớ, thường xuyên uống rượu về đánh đập bà D nhiều lần. Sự việc trên đã được bà D báo cho Công an ấp T, xã T đến giải quyết nhưng không thành. Bà D và ông H đã không còn sống chung từ tháng 01/2024 cho đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông H biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông H vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà D đều này cho thấy ông H không có thiện chí đoàn tụ với bà D.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình thể nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà D và ông H không đạt

được những điều đó nên yêu cầu xin ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Bà D và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh năm 2002 và Nguyễn Nhựt V, sinh năm 2003. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp ly hôn” của bà Đoàn Thị Ngọc D đối với ông Nguyễn Văn H.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đoàn Thị Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

1.2. *Về con chung*: Bà D và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Nhựt P, sinh năm 2002 và Nguyễn Nhựt V, sinh năm 2003. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà D không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007116 ngày 20 tháng 11 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh An, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Phạm Minh Đồng**